

CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI HOA TRONG LĨNH VỰC NHẬP TỊCH VÀ KINH TẾ (1955 – 1963)

DƯƠNG VĂN HUY*
LÊ THUY HỒNG YẾN**

Tóm tắt: Người Hoa đến định cư ở miền Nam Việt Nam từ cuối thế kỷ XVII và có một trí quan trọng trong nền kinh tế của khu vực. Vì thế, chính quyền Việt Nam Cộng hòa mong muốn sử dụng nhân lực và nguồn tài lực này, họ đã chú trọng việc thúc đẩy nhanh chóng sự hội nhập của người Hoa vào xã hội Nam Bộ. Các chính sách của chính quyền Việt Nam Cộng hòa chủ yếu được ban hành dưới thời Tổng thống Ngô Đình Diệm (1955 – 1963). Tuy nhiên, chính sách cưỡng bức hội nhập này đã vấp phải sự phản ứng quyết liệt không những của cộng đồng người Hoa ở Nam Bộ mà còn ở nước ngoài.

Từ khóa: chính sách nhập tịch, chính sách kinh tế, người Hoa, miền Nam Việt Nam, chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Abstract: Chinese people have come and settled in the South Viet Nam since the late 17th century and played an important role in the region's economy. Thus, the Republic of Viet Nam's government paid much attention to promoting the Chinese's naturalization in the south of the country in the expectation of using the human resources. The Government's Policies were mainly issued by President Ngo Dinh Diem (1955 - 1963). However, these policies, which were considered forced naturalization ones, has met with a fierce opposition from the Chinese community not only in the South Viet Nam but also in abroad.

Key words: naturalization policies, economic policies, Chinese people, the South Viet Nam, the Republic of Viet Nam's government.

Ngày nhận bài: 15/11/2017; **Ngày duyệt đăng:** 21/02/2018.

Đặt vấn đề

Từ cuối thế kỷ XVII, sau thất bại của phong trào "Bãi Mãn phục Minh" ở Trung Quốc, đặc biệt khi vua Khang Hy ra lệnh nam giới phải "gọt tóc giốc bím", trái với truyền thống Nho giáo, thì người Hoa có phong trào bất mãn, chạy sang Việt Nam tỵ nạn ở xứ Đàng Trong (Tsai Maw Kuey, 1968, tr.25-31). Nhìn chung, nhà Nguyễn thực hiện chính sách mềm mỏng, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc sống của cộng đồng người Hoa ở vùng đất mới. Sau khi định cư lâu dài tại miền Nam Việt Nam, người Hoa tạo dựng được một chỗ đứng nhất định, họ có cơ sở

kinh tế vững chắc, thậm chí nắm giữ những khâu thương mại quan trọng. Sang thời Pháp thuộc, chính quyền thuộc địa khuyến khích việc người Hoa nhập cư và dành cho họ nhiều ưu đãi, họ có quyền ngang hoặc hơn người Việt (Nguyễn Văn Huy, 1993, tr.75).

Hiệp định Giơnevơ về hòa bình ở Đông Dương được ký kết vào ngày 21/7/1954 đã buộc thực dân Pháp rút khỏi nước ta. Việt Nam tạm thời bị phân chia làm hai miền Nam, Bắc tại vĩ tuyến 17, chờ đến ngày Tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Tuy nhiên, ngay sau đó, dưới sự hậu thuẫn của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã được dựng lên nhằm chia cắt nước ta lâu dài.

Trong những năm đầu, sau khi giải quyết những vấn đề an ninh trật tự tại miền Nam

* Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

** Trường THPT An Dương Vương, thành phố Hồ Chí Minh; Email: lethuyhongycn@gmail.com.

Việt Nam, chính quyền Sài Gòn chú trọng vào an sinh xã hội và phát triển kinh tế. Một trong những vấn đề khó khăn nhất của chính quyền là việc hội nhập người Hoa. Chính sách của chính quyền Sài Gòn đối với người Hoa ở miền Nam chủ yếu được ban hành dưới thời tổng thống Ngô Đình Diệm (1955 – 1963).

Ngay trong năm 1954, chính phủ của thủ tướng Ngô Đình Diệm đã không công nhận những đặc quyền mà người Pháp đã dành cho người Hoa. Từ năm 1955, tổng thống Ngô Đình Diệm muốn người gốc Hoa giữ vai trò tích cực hơn trong nền kinh tế quốc gia. Chính quyền cho rằng để góp phần phát triển đất nước, người Hoa với khả năng thương mại của mình cần phải phụ giúp chính quyền nhiều hơn trong việc phát triển kỹ nghệ vì họ là thành phần có nhiều khả năng nhất về vốn và kinh nghiệm (Nguyễn Văn Huy, 1993, tr.76). Để làm được điều đó, chính quyền Việt Nam Cộng hòa cần phải đẩy mạnh thực hiện chính sách nhập tịch và chính sách kinh tế đối với người Hoa ở Nam Bộ. Mục đích của chính quyền là muốn kiểm soát chặt chẽ các hoạt động kinh tế của người Hoa; đồng thời muốn thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập của họ vào xã hội miền Nam Việt Nam.

1. Chính sách nhập tịch đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam (1955 – 1963)

Ngay từ khi chính phủ Việt Nam Cộng hòa được thành lập vào ngày 26/10/1955, Ngô Đình Diệm muốn áp đặt uy quyền và luật pháp của quốc gia trên mọi cộng đồng dân tộc đang sống tại miền Nam Việt Nam. Về vấn đề nhập tịch đối với người Hoa, chính quyền cho ban hành nhiều Đạo dụ, Nghị định, Sắc lệnh, Sắc luật; trong đó đáng chú ý là Dụ số 10, Dụ số 48, Dụ số 52 và Nghị định số 54.

Với chủ trương tất cả những hoạt động kinh tế tại miền Nam phải do người Việt chủ động, chính quyền Sài Gòn đã ban hành Dụ số 10 ngày 7/12/1955, quy định luật quốc

tịch Việt Nam Cộng hòa; trong đó có những điều đề cập tới vấn đề quốc tịch đối với người Hoa. Người Hoa cư trú tại miền Nam Việt Nam được chia làm hai nhóm: 1) Người Hoa được sinh ra tại Việt Nam: gồm người Minh Hương và Hoa kiều thổ sinh và 2) Nhóm người Hoa được sinh ở ngoài lãnh thổ Việt Nam (còn gọi là Hoa kiều).

1.1. Chính sách nhập tịch đối với nhóm người Hoa sinh ra tại miền Nam Việt Nam

Trong nhóm người Hoa sinh ra tại Việt Nam, chính quyền Sài Gòn chú ý đến người Minh Hương trước tiên. Người Minh Hương là những người có cha là người Hoa, mẹ là người Việt hoặc ngược lại¹. Các điều 2, 11, 12, 13, 14, 15 của Dụ số 10 quy định người Minh Hương dù sinh ở đâu, dù trước hay sau ngày ban hành Dụ số 10 cũng đều là người Việt Nam (Trịnh Thị Mai Linh, 2014, tr.48 – 49).

Đối tượng thứ hai trong nhóm người Hoa sinh ra tại Việt Nam là Hoa kiều thổ sinh. Họ có cha mẹ là người Trung Hoa hoặc từ nước khác, đến Việt Nam sinh sống và sinh con cái ở Việt Nam. Điều 16 trong Dụ số 10 quy định: trẻ sinh tại Việt Nam mà cha mẹ là "gốc Trung Hoa" thì trẻ đó là người Việt Nam và không có quyền khước từ Việt tịch. Tiếp đó, vào ngày 21/8/1956, Ngô Đình Diệm ban hành Dụ số 48 "Sửa đổi bộ luật quốc tịch Việt Nam". Trong đó quyết định bãi bỏ điều 16 của Dụ số 10 và thay thế bằng điều 16 mới, tuyên bố tất cả những người Trung Hoa sinh tại Việt Nam là người Việt Nam, không phân biệt họ có nguồn gốc gì, dù muốn hay không muốn: "*Là người Việt Nam trẻ nào sinh tại Việt Nam có cha mẹ vốn gốc người Trung Hoa, những trẻ nào sinh tại Việt Nam trước ngày công bố Dụ này, có cha mẹ vốn gốc người Trung Hoa, cũng có quốc tịch Việt Nam*" (Dụ số 48, 1956).

¹ Trên thực tế, tại miền Nam Việt Nam còn có trường hợp người Minh Hương có cha là người Hoa, mẹ là người Khmer hoặc ngược lại.

Vào ngày 29/8/1956, Dự số 52 gồm 7 điều được tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành. Theo đạo luật mới thì tất cả công dân Việt Nam cần phải "Việt hóa" tên họ bằng tiếng Việt Nam như: Trịnh, Quách, Mạch, Lâm, Giang, Diệp, Lưu, Vương, Hà, Hứa, Mã, Lý, Trần, Trương..., không được xưng các tên ngoại quốc, bí danh hay tên gọi riêng như Chủ, A, Chê,... trong những văn kiện chính thức. Điều 5 của Dự số 52 quy định nếu quá hạn 6 tháng, nhóm người Hoa này vẫn không đổi họ tên thì sẽ bị tước án phạt với số tiền từ 200 đồng đến 2.000 đồng. Điều 6 của Dự số 52 còn nhấn mạnh người nào tự ý đổi họ tên mà không theo đúng thủ tục sẽ bị phạt tù từ 11 ngày đến 6 tháng và phạt vạ từ 251 đồng đến 10.000 đồng (Dự số 52, 1956).

1.2. Chính sách nhập tịch đối với nhóm người Hoa sinh ra ở ngoài lãnh thổ miền Nam Việt Nam

Chính quyền Ngô Đình Diệm quy định tất cả những người sinh ra tại Trung Hoa hoặc các nước khác, đang sống và làm việc tại miền Nam Việt Nam là người nước ngoài. Những Hoa kiều có thể kết hôn với người bản địa và phải chịu mọi khoản quy định dành cho ngoại kiều, trong đó có nghĩa vụ đóng thuế cư trú.

Trong Dự số 10 có các điều 53, 55, 56, 57 và 58 quy định những điều kiện để nhập tịch đối với ngoại kiều như: phải đủ 18 tuổi trở lên, có hạnh kiểm tốt, hiểu tiếng Việt, đủ sức khỏe...

Những Hoa kiều muốn sinh sống tại miền Nam Việt Nam phải có giấy thông hành tạm trú (thẻ lương niên) trong thời gian nhất định, nếu hết hạn tạm trú thì phải xin phép gia hạn hoặc làm giấy mới (Trần Khánh, 2002, tr283). Đến ngày 30/4/1957, tổng thống Ngô Đình Diệm quyết định *"thay thế thẻ lương niên bằng một thẻ mới có tên là thẻ cư trú hàng năm cấp cho ngoại kiều cư trú trong*

nước trên 3 tháng. Mỗi thẻ sẽ đóng một số thuế nhất định và tiền thu thuế sẽ được nhập vào quỹ quốc gia"(Ủy ban Liên bộ Việt Nam Cộng hòa, 1957).

Để kiểm tra ngoại kiều trên toàn miền Nam, Nghị định số 54-BNV/CT/PS được Bộ trưởng Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa ban hành vào ngày 15/9/1956. Theo đó, điều 2 quy định: Chính quyền sẽ kiểm tra đối với *"ngoại kiều nam nữ từ 18 tuổi trở lên, ngoại kiều được phép tạm trú không quá ba tháng và thực sự không lưu trú quá thời hạn đó trong lúc thi hành cuộc kiểm tra"* (Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa, 1956), nếu không họ sẽ bị trừng trị theo luật định, thậm chí là bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa.

2. Chính sách kinh tế đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam (1955 – 1963)

Dưới thời Ngô Đình Diệm, chính quyền Sài Gòn muốn "Việt Nam hóa" các hoạt động kinh doanh của ngoại kiều, chủ yếu là Hoa kiều. Để giải quyết sớm quyền sở hữu bất động sản của người Hoa, chính quyền Sài Gòn ban hành Dự số 26 ngày 20/4/1956 gồm 8 điều; trong đó điều thứ nhất của Dự này quy định về việc chuyển nhượng các bất động sản, các xí nghiệp kỹ nghệ, công nghệ, nông nghiệp, các tàu thủy, máy bay... phải được tổng thống cho phép mới là hợp pháp (Dự số 26, 1956).

Tiếp đó, Dự số 53 ngày 6/9/1956 gồm 7 điều được ban hành. Điều thứ nhất của Dự số 53 cấm không cho ngoại kiều hoạt động 11 nghề, bao gồm: buôn bán cá và thịt, buôn bán chạp phở, buôn bán than, củi, buôn bán xăng dầu, cầm đồ bình dân, buôn bán sắt, đồng thau vụn, buôn bán ngũ cốc, các hoạt động kinh doanh nhà máy xay lúa ... Điều 2 của Dự số 53 bắt buộc những người nước ngoài đang hoạt động trong 11 ngành nghề bị cấm phải chấm dứt hoạt động trong thời hạn 6 tháng đối với những nghề nghiệp

từ số 1 đến số 7 và thời hạn 1 năm đối với những nghề nghiệp từ số 8 đến số 11. Nếu vi phạm sẽ *"bị phạt tiền từ 50.000 đồng đến 5 triệu bạc, không kể những biện pháp hành chính, như trục xuất"* (Điều 4, Dự số 53).

Theo chính quyền Sài Gòn, mục đích của Dự số 53 là *"bảo vệ nền thương mại nông công quốc gia (ăn, mặc, chở chuyên), không để ngoại kiều chi phối thị trường về những vật phẩm và những dịch vụ cần thiết cho đời sống hằng ngày của đại chúng; dành cho thương gia Việt Nam nhiệm vụ phân phối những phẩm vật cần thiết nói trên; giải quyết phần nào vấn đề thất nghiệp; hướng dẫn tư sản ngoại kiều hiện giờ đang dùng vào việc thương mại để đem vào cuộc kinh doanh công kỹ nghệ, cần được thiết lập trên lãnh thổ nước nhà"* (Bộ Kinh tế Việt Nam Cộng hòa, 1956). Tuy nhiên, chúng ta có thể nhận thấy, Dự số 53 thực chất là đối phó với người Hoa bằng biện pháp kinh tế để buộc người Hoa nhập quốc tịch Việt Nam.

3. Động thái của cộng đồng người Hoa trước chính sách nhập tịch và kinh tế của chính quyền Việt Nam Cộng hòa

3.1. Động thái trong nước

Trước việc chính quyền Ngô Đình Diệm sử dụng quyền lập pháp và hành pháp để cưỡng bức nhập Việt tịch và kinh tế, cộng đồng người Hoa tại miền Nam đã kịch liệt phản đối vì họ cho rằng các đạo dụ nói trên có nội dung bài Hoa và không cho họ quyền chấp nhận hay không chấp nhận luật quốc tịch, đồng thời quyền lợi kinh tế của họ không được đảm bảo. Thật ra, điều đáng lo ngại nhất đối với người Hoa khi có quốc tịch Việt Nam là phải đi quân dịch, cho nên họ bày tỏ thái độ không hợp tác với Chính quyền và có một bộ phận người Hoa tại miền Nam đã hưởng ứng chính sách Hoa vận của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam để chống lại chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Ngoài ra, để bảo vệ quyền lợi cho cộng đồng

minh, một số người Hoa đã tham gia ứng cử vào Hội đồng Đô thành và giành thắng lợi.

Vào ngày 22/10/1956, Tổng Giám đốc cảnh sát và công an Việt Nam Cộng hòa lúc bấy giờ là Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Lễ phải gửi báo cáo mật số 12516/TCSCA/TB/NC/M cho Bộ Nội Vụ về việc phản ứng của Hoa kiều đối với hai Dự số 48 và 53. Báo cáo nêu: *"Hiện nay có một số Hoa thương giàu có đang tìm cách bỏ tiền vận động với Sở Trung ương di trú sửa đổi giấy khai sanh, căn cước (như sanh tại Sài Gòn-Chợ Lớn... thì đổi ra, Thượng Hải, Hồng Kông...)"* và một số khác đã sang Cao Miên, dự tính tìm cách hối lộ nhà chức trách Cao Miên tại những tỉnh nhỏ để được phép cư trú lập nghiệp sinh sống. Lại có một số tư nhân viết thư cho thân hữu ở Đài Loan phản đối việc buộc họ nhập Việt tịch (...) và nhờ bà con thân hữu kêu Chánh phủ Đài Bắc can thiệp với Chánh phủ Việt Nam về việc này" (Nha Tổng giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa, 1956).

Ngoài ra, thương nhân Hoa kiều còn đấu tranh bằng cách đóng cửa tiệm, giáo sư cùng các học sinh Hoa kiều thì biểu tình phản đối (Nha Tổng giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa, 1956).

Tính đến năm 1955, tại miền Nam Việt Nam có 620.858 người Hoa (theo số liệu của Nha Thống kê Sài Gòn). Theo số liệu của Nha Trung Hoa Sự vụ thì đến ngày 24/12/1956 có 1.658 Hoa kiều đã nhập Việt tịch (gồm 1.205 người lớn và 453 trẻ em); trong đó chỉ tính riêng đô thành Sài Gòn có 624 người xin nhập Việt tịch (Nha Trung Hoa Sự vụ Việt Nam Cộng hòa, 1956).

Theo báo cáo của Tòa Tổng lãnh sự Trung Hoa Dân Quốc tại Sài Gòn, để phản đối chính sách nhập Việt tịch cưỡng bức của Chính quyền Sài Gòn, cho đến năm 1957 có khoảng 3.000 người Hoa đã hoàn tất hồ sơ xin hồi hương (Nguyễn Văn Huy, 1993, tr.80).

Để gây áp lực đối với những Hoa kiều do dự, không chịu nhập Việt tịch, chính quyền tuyên bố *“chính phủ có toàn quyền cho nhập Việt tịch hay không, đó là một đặc ân đối với người xin hỏi, chứ không phải quyền cá nhân”* (Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa, 1957). Bên cạnh đó, chính quyền Việt Nam Cộng hòa cũng sẵn sàng trục xuất bất cứ người Hoa bất hảo nào nhập cư, kể cả những người phạm tội hình sự thông thường (Tsai Maw Kuey, 1968, tr.61-62).

Đến năm 1958, theo Nha Thống kê Sài Gòn, số liệu người Hoa xin nhập Việt tịch đã tăng lên đáng kể, có tới gần 235.000 người Hoa xin nhập Việt tịch (Nguyễn Văn Huy, 1993, tr.80). Tính đến ngày 31/1/1960, tại miền Nam Việt Nam chỉ còn khoảng 2.550 Hoa kiều với tư cách ngoại kiều, phần lớn số này là công dân Đài Loan (Nha Tổng giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa, 1956).

Bảng 1. Số lượng người Hoa nhập tịch ở Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1957-1961²

Năm	1957	1958	1959	1960	1961	1962	1963
Số lượng ngoại kiều	344	436	223	197	86	78	32
Tỉ lệ	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
Số lượng Hoa kiều	183	278	130	116	51	4	7
Tỉ lệ	(53,2%)	(63,8%)	(58,3%)	(58,9%)	(59,3%)	(5,1%)	(21,9%)

(Nguồn: Trịnh Thị Mai Linh, 2014, tr.211).

Qua bảng biểu trên, chúng ta có thể thấy từ năm 1961 trở về trước, chính quyền Sài Gòn chủ trương đưa nhóm người Hoa sinh tại Việt Nam cũng như Hoa kiều trở thành công dân của Việt Nam Cộng hòa và nhanh chóng sáp nhập họ vào xã hội miền Nam. Tuy nhiên, trong hai năm 1962 - 1963, chính quyền Sài Gòn lại quyết định hạn chế Hoa

kiểu nhập Việt tịch cũng như gia hạn lưu ngụ đối với ngoại kiều.

Theo Báo cáo mật số 12516/TCSCA/TB/NC/M của Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa gửi cho Bộ Nội vụ ngày 22/10/1956, Hoa kiều tỏ ra bất mãn đối với Dự số 48 và 53 do ngoại kiều sống ở miền Nam đa số là Hoa kiều và 11 nghề cấm ngoại kiều hoạt động là những nghề mà họ đã kiện toàn cơ sở vững chắc ở miền Nam Việt Nam (Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa, 1956). Tình thế bắt buộc họ phải chọn con đường tối ưu nhất, hoặc là chấp nhận quốc tịch Việt Nam, hoặc là chuyển tên cơ sở, hãng kinh doanh của mình cho người vợ Việt Nam, con cháu, anh em, người bà con của mình đã có quốc tịch nước sở tại, hoặc là *“hùn vốn với người Việt Nam rồi để người Việt đứng tên xin phép kinh doanh”* (Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và

Công an Việt Nam Cộng hòa, 1956). Có như vậy thì họ mới được tiếp tục sự nghiệp kinh doanh của mình trong những ngành nghề bị cấm. Một động thái khác nhằm phản đối Dự số 48 và 53 là có một bộ phận không nhỏ Hoa thương *“vội vã lấy tiền ở ngân hàng ra”, “nên từ ngày 15 đến 18/9/1956 trong 9 ngân hàng Sài Gòn – Chợ Lớn giới Hoa thương đã lấy rút ra gần 400 triệu đồng bạc Việt Nam”* (Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa, 1956). Có thể nói, hai Đạo dụ này đã làm xáo trộn và ngừng trệ

² “Hoa kiều” là một thành phần dân cư thuộc “Ngoại kiều” (Ngoại kiều có thể là người Hoa kiều, người Ấn Độ ...).

hoạt động kinh doanh của người Hoa trong một thời gian nhất định.

3.2. Động thái ngoài nước

Ngoài việc vấp phải sự phản ứng của cộng đồng người Hoa ở miền Nam Việt Nam, các chính sách của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa còn chịu sự chỉ trích gay gắt của chính phủ Trung Hoa Quốc gia (tức Đài Loan) và chính phủ Trung Hoa Nhân dân Cộng hòa.

Trong giới báo chí lúc bấy giờ "có tờ *Á Châu* đã chỉ trích hai đạo dụ số 48 và 53 là bất hợp pháp và kêu gọi các giới Hoa kiều đoàn kết lại để tranh đấu đến cùng" (Nha Tổng giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa, 1956). Báo cáo trên còn cho biết Đài phát thanh Bắc Kinh "kêu âm lên" là Chính quyền Sài Gòn bắt dân Trung Hoa di lính. Còn chính phủ Tưởng Giới Thạch thì "xôn xao", cấp tốc triệu Đại sứ Tưởng Ân Khải về Đài Loan để thảo luận (Hoa kiều nhật báo, 21/9/1956). Theo Hoa kiều nhật báo và Tinh đảo nhật báo đăng ngày 27/9/1956, Đài Loan không phản đối Hoa kiều nhập Việt tịch, nhưng cần chiếu theo luật quốc tế, phải cho họ được quyền tự do lựa chọn.

Cũng về vấn đề nhập Việt tịch, vào ngày 19/10/1956, ông Giang Dị Sinh (Kiang Yi-Sheng), Phát ngôn viên Bộ ngoại giao của Đài Loan, cho rằng tự do lựa chọn quốc tịch là một trong những nhân quyền cơ bản của bất cứ luật quốc tịch nào, do vậy, lập trường pháp luật của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa "rất bạc nhược", "là một sự bác đoạt quyền tự do kiến chọn quốc tịch của kiều dân Trung Hoa", tạo ra một phạm vi để mà kỳ thị và pháp luật được ban hành có tính giai cấp. Ông Giang Dị Sinh cũng "thiết tha mong rằng Chính phủ Việt Nam vẫn có thể thay đổi thái độ", nếu không, họ sẽ nhất định "làm theo nguyện vọng của Hoa kiều ở Việt Nam" (Hoa kiều nhật báo, 20/10/1956).

Người trong chính phủ Đài Loan cũng chỉ ra rằng, trong thời kỳ Pháp thuộc, có nhiều người Việt Nam đã nhập quốc tịch Pháp, sau đó (tức sau năm 1954), chính phủ Pháp cho phép họ được lựa chọn quốc tịch Pháp hoặc đổi trở lại quốc tịch Việt Nam. Mặc dù chính phủ Đài Loan đã có hai lần kháng nghị về vấn đề quốc tịch Hoa kiều, nhưng chính phủ Việt Nam Cộng hòa vẫn cự tuyệt đàm phán vì theo Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu thì "các nước đều được quyết định quốc tịch của những người sinh trên lãnh thổ của mình" (Tinh đảo văn báo, 21/10/1956). Trước thái độ cương quyết của Chính quyền Sài Gòn, Chính quyền Đài Loan cảnh báo "Hoa kiều đến lúc tuyệt vọng thì sẽ có thể dùng đến hành động tiêu cực" như di cư, không buôn bán nữa... (Tinh đảo nhật báo, 22/11/1956). Thậm chí, để bảo vệ Hoa kiều, Quốc dân Đại hội Đài Loan còn có chủ trương dùng vũ lực đối phó với Chính quyền Việt Nam Cộng hòa và sẽ phủ quyết nếu Việt Nam Cộng hòa gia nhập Liên Hiệp Quốc (Hương Cảng thời báo, 14/5/1957).

Đối với dụ số 53 cấm ngoại kiều không được hoạt động trong 11 nghề, theo tin Trung ương xã Đài Bắc ngày 24/5/1957 và Tinh đảo nhật báo ngày 25/5/1957, đã khiến cho 6.000 cửa hàng Hoa kiều phải đóng cửa và 200.000 Hoa kiều thất nghiệp. Do đó, Viện lập pháp (Nội các) "tỏ lòng phẫn nộ" và nêu lên một số cách để đối phó với Chính quyền Việt Nam Cộng hòa, đồng thời đưa ra các giải pháp an ủi, cứu tế Hoa kiều.

Theo bài đăng trên Trung Quốc Tân văn xã vào ngày 20/5/1957 và bài đăng trên Văn hời báo ngày 21/5/1957, Ủy ban Sự vụ Hoa kiều Trung Hoa Nhân dân Cộng hòa cho rằng chính phủ Việt Nam Cộng hòa "đã ban bố một đạo luật quốc tịch có ý kỳ thị Hoa kiều, phiên diện" (...) "trái với thường lệ quốc tế và áp bức Hoa kiều", đã khiến Hoa kiều vô cùng tức giận và có người đã phải rời bỏ Việt Nam. Họ kêu

gọi Chính quyền Việt Nam Cộng hòa “*nên triệt tiêu ngay những biện pháp xâm phạm nhân quyền và trái với luật pháp quốc tế*”, nếu không, chính phủ Việt Nam Cộng hòa sẽ phải chịu trách nhiệm về những hậu quả gây ra. Ngoài ra, Hoa kiều trong vùng Đông Nam Á (nhất là Singapore và Hồng Kông) cũng gây áp lực với chính quyền Sài Gòn bằng cách tẩy chay hàng hóa xuất khẩu không do người Hoa bán (Nha Tổng giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa, 1956).

4. Một số nhận xét

Thứ nhất, vào thời Pháp thuộc, người Hoa nắm giữ hầu hết các ngành nghề kinh tế, trừ nông nghiệp. Điều này, tạo ra sự bức xúc của thành phần người Việt. Do vậy, ngay khi lên nắm quyền, Ngô Đình Diệm muốn hạn chế sự lệ thuộc vào “lực lượng ngoại quốc” về vấn đề kinh tế. Chính quyền cho rằng để xây dựng, phát triển nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa thì cần thiết phải thúc đẩy miền Nam đi vào hoạt động kinh tế khác hơn là nông nghiệp và đặc biệt họ phải dựa trên chủ lực là người Việt. Với sự nổi trội trong hoạt động giao thương, buôn bán, người Hoa được chính quyền chú ý và tìm cách “Việt Nam hóa”, để họ góp phần vào sự phát triển kinh tế miền Nam Việt Nam;

Thứ hai, chính sách của Chính quyền Ngô Đình Diệm đối với người Hoa mang tính cưỡng bức, thể hiện bản chất độc tài, chuyên chế. Chính quyền Ngô Đình Diệm không khoan nhượng trước bất kỳ sự phản ứng nào của cộng đồng người Hoa. Khi cần thiết, chính quyền còn tăng cường thêm các văn bản luật để những chính sách của mình được thực thi nhanh chóng. Mục đích của chính quyền Ngô Đình Diệm về những chính sách nhập tịch và kinh tế là muốn kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của người Hoa và Hoa kiều; đồng thời muốn thúc đẩy nhanh quá

trình hội nhập của họ vào xã hội miền Nam Việt Nam;

Thứ ba, chính sách của Chính quyền Ngô Đình Diệm đối với người Hoa vấp phải sự phản đối của cộng đồng người Hoa ở trong nước lẫn ngoài nước. Với chính sách cưỡng bức, muốn người Hoa “Việt hóa” toàn diện và ngay tức khắc của Chính quyền Sài Gòn, người Hoa ở miền Nam hoàn toàn không được chuẩn bị về mặt tâm lý và lo sợ ảnh hưởng đến quyền lợi của mình; do vậy, họ quyết liệt chống đối và nhận được sự ủng hộ tích cực từ chính phủ Đài Loan, Trung Hoa cũng như cộng đồng người Hoa ở hải ngoại.

Về mặt kinh tế, một bộ phận đáng kể người Hoa ở miền Nam đã nhập tịch và chuyển tên người sở hữu các cơ sở làm ăn kinh tế theo quy định. Tuy nhiên, đây chỉ là sự thích nghi của người Hoa trong tình hình mới để thuận lợi trong việc kinh doanh của mình. Họ vẫn là một thế lực kinh tế, có ảnh hưởng trên thương trường của Việt Nam Cộng hòa và vẫn duy trì được nền văn hóa Trung Hoa truyền thống của mình;

Thứ tư, chính sách của Chính quyền Ngô Đình Diệm đối với người Hoa không được đảm bảo tính liên tục trong quá trình thực hiện vì chính sách này chưa kịp hoàn tất thì đã xảy ra cuộc đảo chính vào cuối năm 1963. Những chính phủ Sài Gòn tiếp theo (1963 – 1975) đã lãng quên, thậm chí có những quan điểm trái ngược với chính sách đối với người Hoa mà chính quyền Ngô Đình Diệm từng theo đuổi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kinh tế Việt Nam Cộng hòa (1956), *Thông tư mật số 502/BKT/NC-M* ngày 5/9/1956, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, hồ sơ 10135.
2. Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa (1956), *Nghị định số 54-BNV/CT/PS* ngày 13/9/1956,

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hoà, hồ sơ 4843.

3. Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa (1957), *Nghị định số 19 – BNV/NA/P5 ngày 17/4/1957*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hoà, hồ sơ 6579.

4. Nguyễn Văn Huy (1993), *Người Hoa tại Việt Nam*, Nxb NBC, Paris.

5. Trần Khánh (2002), *Người Hoa trong xã hội Việt Nam (thời Pháp thuộc và dưới chế độ Sài Gòn)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Trịnh Thị Mai Linh (2014), *Chính sách của chính quyền Sài Gòn đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam (1955 – 1975)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa (1956), *Báo cáo mật số 12516/TCSCA/TB/NC/M của Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an Việt Nam Cộng hòa gửi cho Bộ Nội vụ ngày 22/10/1956*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hoà, hồ sơ 6579.

8. Nha Trung Hoa Sự vụ Việt Nam Cộng hòa (1956), *Thông qui số 37 – THSV-M ngày 26/12/1956*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hoà, hồ sơ 11963.

9. Tổng hợp các tin dịch từ Hoa kiều nhật báo, Hương Cảng thời báo, Tinh đảo nhật

báo, Tinh đảo văn báo, Văn hồi báo, Trung Quốc Tân văn xã... trong hai năm 1956 – 1957, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hoà, hồ sơ 18718.

10. Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (1956), *Dụ số 26 ngày 20/4/1956*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hoà, hồ sơ 21362.

11. Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (1956), *Dụ số 48 ngày 21/8/1956*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hoà, hồ sơ 447.

12. Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (1956), *Dụ số 52 ngày 29/8/1956*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hoà, hồ sơ 6579.

13. Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (1956), *Dụ số 53 ngày 6/9/1956*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hoà, hồ sơ 10135.

14. Tsai Maw Kuey (1968), *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam*, Nxb Thư viện Quốc gia, Paris.

15. Ủy ban Liên bộ Việt Nam Cộng hòa (1957), *Biên bản phiên họp ngày 30/4/1957*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, phòng Phủ tổng thống Đệ nhất Cộng hoà, hồ sơ 4843.

